

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN HAI BÀ TRUNG  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **143/2023/DSST**

Ngày: 28/9/2023

V/v: *Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*

## NHÂN DANH

### NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

*Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Hoàng Phương**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Xuân Phương**  
Ông **Trịnh Tiến Nam**

Thư ký Tào án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Ngô Hoàng Hà**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông **Lưu Thế Tài** – Kiểm sát viên

Ngày 28/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số **38/2023/TLST-DS** ngày 21/3/2023 về việc: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **147/2023/QĐXX-ST** ngày 25/8/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số **128/2023/QĐ-HPT** ngày 12/9/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông **Ngô Quốc H** - sinh năm 1970; HKTT: **Số D ngõ I phố Đ, tổ A, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.**

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Ngọc L** - sinh năm 1978 (Có mặt); HKTT: **Số I phố T, phường H, quận H, thành phố Hà Nội; nơi ở: Lô A.19 Khu nhà ở cán bộ Công an, số 1 phố N, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội** (Giấy ủy quyền số 897/2023/GUQ; quyền số 02/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/3/2023 do **Văn phòng C** lập)

- **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Ngọc T** - sinh năm 1973 (Vắng mặt); HKTT: **Số B phố M, phường M, quận H, thành phố Hà Nội.**

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn là ông **Ngô Quốc H** và người đại diện theo ủy quyền là bà **Nguyễn Ngọc L** trình bày:*

Ông **Ngô Quốc H** và ông **Nguyễn Ngọc T** là bạn bè của nhau. Năm 2013, khi

nghe ông T gặp khó khăn và cần tiền, ông H đã cho ông T vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Ông T đã tự tay viết và ký giấy vay tiền đề ngày 18/9/2013 với cam kết trong thời hạn 03 tháng sẽ trả hết cho ông H số tiền này, hai bên không thỏa thuận về lãi suất.

Đến tháng 12/2015, ông T tiếp tục vay của ông H 02 thẻ tín dụng, gồm 01 thẻ tín dụng của Ngân hàng V có giá trị 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và 01 thẻ tín dụng của Ngân hàng T2 có giá trị 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Tổng cộng, ông T đã vay của ông H số tiền là 800.000.000 đồng (*T1 trăm triệu đồng chẵn*). Hết thời hạn cho vay, ông H đã nhiều lần liên lạc yêu cầu ông T thanh toán số tiền này nhưng ông T cố tình trì hoãn và lẩn tránh. Ông H đã làm đơn tố cáo ông T đến Công an quận T là nơi ông T làm việc. Vụ việc sau đó đã được chuyển lên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H. Trong Biên bản làm việc của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H ngày 05/03/2019, ông T đã thừa nhận số tiền nợ và cam kết sẽ trả cho ông H trong năm 2019, nhưng đến nay ông T vẫn chưa trả cho ông bất cứ khoản tiền nào. Việc ông Thắng lợi d lòng tin để vay mượn rồi cố ý lẩn tránh việc hoàn trả tiền đã ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi hợp pháp của ông. Vì vậy, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T thanh toán trả cho ông H toàn bộ số tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng (*Tám trăm triệu đồng chẵn*) + lãi với lãi suất 10%/năm, tạm tính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 25/8/2023, cụ thể là: 800.000.000 đồng + 109.580.000 đồng + 183.000.000 đồng = 1.092.580.000 đồng (*Một tỷ, không trăm chín mươi hai triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng*) và các khoản nợ lãi phát sinh với mức lãi suất quá hạn là 10% kể từ sau ngày 25/8/2023 cho đến khi tất toán các khoản vay.

Bị đơn là ông Nguyễn Ngọc T, suốt trong quá trình Tòa án tiến hành tố tụng, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án để biết những vấn đề cụ thể mà Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời được triệu tập đến Tòa án để thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn. Tuy nhiên, ông T không có mặt theo thông báo triệu tập của Tòa án để làm bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết công khai Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông T không



tham gia phiên họp. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết công khai Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập phiên tòa cho ông T. Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 12/9/2023, ông T vắng mặt không lý do. Phiên tòa tiếp theo được Hội đồng xét xử ấn định vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 28/9/2023 đã được tổng đạt họp lệ nhưng ông T tiếp tục vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay của 02 thẻ tín dụng, gồm 01 thẻ tín dụng của Ngân hàng V có giá trị 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và 01 thẻ tín dụng của Ngân hàng T2 có giá trị 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), đồng thời yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T phải trả số tiền là: 563.841.780 đồng, bao gồm số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng chẵn) + lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng N là 9 %/ năm = 263.841.780 đồng. Ông T còn phải trả cho ông H khoản nợ lãi phát sinh với mức lãi suất quá hạn là 10% kể từ sau khi xét xử sơ thẩm cho đến khi tất toán khoản vay.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:** Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và thời hiệu theo quy định. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện việc lập hồ sơ, xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng và tiến hành trình tự, thủ tục giải quyết vụ án đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định từ Điều 198 đến Điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Chương VI của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Chương VI của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc Hội đồng xét xử - xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Quốc H đối với ông Nguyễn Ngọc T về việc đòi số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) theo Giấy vay tiền đề ngày 18/9/2013 + lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo quy định của pháp luật. Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay của 02 thẻ tín dụng, gồm 01 thẻ tín dụng của Ngân hàng V có giá trị 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng chẵn) và 01 thẻ tín dụng của Ngân hàng T2 có giá trị 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng chẵn) và tiền lãi quá hạn của khoản vay trên. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn là ông T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả ông H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### [1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là ông **Ngô Quốc H** khởi kiện yêu cầu bị đơn là ông **Nguyễn Ngọc T** phải trả số tiền vay là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng chẵn) và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo lãi suất cơ bản của **Ngân hàng N**. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại: **Số B phố M, phường M, quận H, thành phố Hà Nội**. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết tại Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Hà Nội theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Ông **Ngô Quốc H** và ông **Nguyễn Ngọc T** là bạn bè của nhau. Xuất phát từ mối quan hệ này, ông **H** đã cho ông **T** vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng chẵn). Khi vay ông **T** đã tự tay viết giấy vay tiền đề ngày 18/9/2013, cam kết sẽ hoàn trả ông **H** số tiền này trong vòng 03 tháng, hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Đến tháng 12/2015, ông **T** tiếp tục vay của ông **H** 02 thẻ tín dụng, gồm 01 thẻ tín dụng của **Ngân hàng V** có giá trị 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và 01 thẻ tín dụng của **Ngân hàng T2** có giá trị 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Tổng cộng, ông **T** đã vay của ông **H** số tiền là 800.000.000 đồng (**Tl** trăm triệu đồng chẵn). Tại phiên tòa, Nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay thông qua 02 thẻ tín dụng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện này.

Cũng tại phiên tòa, Nguyên đơn do người đại diện theo ủy quyền yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng chẵn) và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo lãi suất cơ bản của **Ngân hàng N**. Qua xem xét điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự (Giấy vay tiền) đề ngày 18/9/2013, nhận thấy: Ông **Nguyễn Ngọc T** tự viết và ký Giấy vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng chẵn) của ông **Ngô Quốc H** là có thật.



Nội dung Giấy vay tiền không vi phạm pháp luật, phù hợp quy định về Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự 2005. Khi giao dịch các bên đều có năng lực hành vi dân sự, tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm pháp luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức giao dịch được lập thành văn bản. Do đó, giấy vay tiền có hiệu lực thi hành kể từ ngày các bên xác lập và không bị vô hiệu theo quy định tại Điều 122 của Bộ luật dân sự năm 2005. Ông T đã nhận đủ số tiền vay từ ông H nhưng tính đến thời điểm xét xử vẫn chưa thanh toán được tiền nợ gốc, tiền lãi trên nợ gốc cho ông H.

Xét về thời hiệu khởi kiện của giấy vay tiền đề ngày 18/9/2023: Ông Nguyễn Ngọc T ký giấy vay tiền và cam kết trong thời hạn 03 tháng sẽ trả hết khoản vay. Nhưng đến hạn trả nợ, ông T không trả được nợ. Xác định thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 19/12/2013. Suốt trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng ông T cố tình vắng mặt, không đến Tòa án để tham gia tố tụng, thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, không có ý kiến, quan điểm hay yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Do đó, trường hợp này không áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 149 của Bộ luật dân sự.

Xét yêu cầu tính lãi trên khoản nợ gốc quá hạn chưa trả 300.000.000 đồng: Mặc dù các bên không thỏa thuận về lãi, tuy nhiên, khi bên cho vay có yêu cầu tính lãi thì phải dụng theo hướng dẫn tại điểm c Điều 2 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Cụ thể, phần hướng dẫn về áp dụng pháp luật về lãi, lãi suất trong hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng, đối với hợp đồng đang được thực hiện (là hợp đồng mà các bên chưa thực hiện xong quyền, nghĩa vụ theo thỏa thuận và các quyền, nghĩa vụ khác phát sinh từ hợp đồng mà pháp luật có quy định) đã chỉ rõ: *Đối với khoảng thời gian từ ngày 01-01-2006 đến trước ngày 01-01-2017 thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005, Nghị quyết số 45/2005/QH11 ngày 14-6-2005 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật dân sự và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005. Đối với khoảng thời gian từ ngày 01-01-2017 thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015.* Như vậy, trong trường hợp cụ thể này, đối với quãng thời gian từ 19/12/2013 đến 31/12/2016, về việc tính lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005



để giải quyết, cụ thể áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005: *Trong trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng N công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ, nếu có thỏa thuận* (Theo quy định tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng N thì lãi suất cơ bản là 9 % / năm). Đối với khoảng thời gian từ ngày 01/01/2017 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (Ngày 28/9/2023) áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết, cụ thể áp dụng Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 là 10 %/ năm. Tuy nhiên, do Nguyên đơn có yêu cầu áp dụng lãi suất cơ bản là 9 % / năm đối với toàn bộ thời gian chậm trả từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến thời điểm xét xử sơ thẩm (Từ 19/12/2013 đến 28/9/2023), đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, có lợi cho người có nghĩa vụ là bên vay, cần được ghi nhận.

Cũng theo Điều 4 của Nghị quyết số 01 nói trên quy định về việc xác định lãi, lãi suất trong hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005, Hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng xác lập trước ngày 01-01-2017 thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 theo hướng dẫn tại Điều 2 của Nghị quyết này thì tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng được xác định như sau: *Hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên vay có nghĩa vụ trả lãi trên nợ gốc quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng N công bố tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả, nếu các bên có thỏa thuận về việc trả lãi đối với nợ gốc quá hạn theo công thức: Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất cơ bản do Ngân hàng N công bố tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm trả nợ gốc)*. Cụ thể: 300.000.000 đồng x 9%/ năm x 09 năm 09 tháng 08 ngày = (243.000.000 đồng + 20.250.000 đồng + 591.780 đồng) = 263.841.780 đồng. Như vậy, ông T phải trả cho ông H tổng số tiền là: 563.841.780 đồng, bao gồm: Số tiền nợ gốc: 300.000.000 đồng + tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả: 263.841.780 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Quốc H, buộc ông Nguyễn Ngọc T phải trả cho ông H toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi trên nợ gốc quá hạn, nợ lãi phát sinh kể từ sau khi xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn nên Bị đơn là ông Nguyễn Ngọc T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả nguyên đơn là ông Ngô Quốc H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.



Vì các lẽ trên;

### QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 122, 471, 474, 476 và 477 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357; Điều 468; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Ngô Quốc H** đối với khoản vay 02 thẻ tín dụng, gồm 01 thẻ tín dụng của **Ngân hàng V** có giá trị 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng chẵn*) và 01 thẻ tín dụng của **Ngân hàng T2** có giá trị 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng chẵn*).

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Ngô Quốc H** đối với khoản vay số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng chẵn*) theo Giấy vay tiền ngày 18/9/2013.

Buộc ông **Nguyễn Ngọc T** có nghĩa vụ thanh toán trả cho ông **Ngô Quốc H** tổng số tiền là 563.841.780 đồng (*Năm trăm sáu mươi ba triệu, tám trăm bốn mươi một nghìn, bảy trăm tám mươi đồng*), bao gồm: Tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng chẵn*) và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là: 263.841.780 đồng (*Hai trăm sáu mươi ba triệu, tám trăm bốn mươi một nghìn, bảy trăm tám mươi đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Ông **Nguyễn Ngọc T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 26.553.671 đồng (*Hai mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi ba nghìn, sáu trăm bảy mươi một đồng*)

Hoàn trả ông **Ngô Quốc H** toàn bộ số tiền 30.072.600 đồng (*Ba mươi triệu, không trăm bảy mươi hai nghìn, sáu trăm đồng*) ông đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0013335 ngày 21/03/2023 tại chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nguyên đơn do người đại diện theo ủy quyền có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hai Bà Trưng
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- UBND quận Hai Bà Trưng
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

***Đặng Hoàng Phương***